

Số: 1495GPMT-UBND

Điện Biên, ngày 14 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 310/TTr-STNMT ngày 31 tháng 8 năm 2023 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Điện Biên).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh, địa chỉ tại bản Noong Bua, phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà khách tỉnh Điện Biên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Chủ trương đầu tư: Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà khách tỉnh Điện Biên.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở lưu trú.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án 7.831 m², bao gồm các hạng mục: Nhà khách 07 tầng S_{xd}=2.232 m²; bể bơi diện tích 580 m²; nhà chứa thiết bị, máy bơm và đặt máy phát điện dự phòng diện tích 163 m²; trạm biến áp diện tích 10m²; sân đường nội bộ diện tích 3.657m²; diện tích cây xanh 1.182 m²; diện tích còn lại là đất khu lưu giữ chất thải, đài phun nước, cổng và tường rào bao quanh.

- Tổng vốn đầu tư: 150 tỷ đồng.

- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (*tính từ ngày đưa vào sử dụng*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, khí thải.

2.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 14 tháng 9 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Điện Biên Phủ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Nhà khách tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Điện Biên Phủ;
- Ban QLDA các công trình DD&CN tỉnh;
- UBND phường Noong Bua;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu VT, KTN_(LNH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1495/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của dự án (nhà vệ sinh, nhà bếp, khu vực rửa tay chân, khu vực vệ sinh chần gói).
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động của bể bơi (nước sục rửa củ lọc nước tuần hoàn).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Thải ra hệ thống thoát nước chung tại phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰, múi chiều 3⁰): X = 2366716; Y = 503452.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày, đêm; tương đương 4,16 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả thải bằng phương thức sử dụng bơm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNM T, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải từ hoạt động sinh hoạt:

+ Được thu gom bằng đường ống uPVC D160 có tổng độ dài 75 m; nước thải từ khu bếp ăn được dẫn qua bể tách mỡ có dung tích hữu ích khoảng 56 m^3 để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đêm để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra hệ thống thoát nước của thành phố Điện Biên Phủ; hệ thống thoát nước thải ngoài nhà bằng đường ống nhựa HDPE D300 có tổng độ dài 11 m, được đặt ngầm dưới sân đường kết hợp với hố ga.

+ Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đêm được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước bề mặt của dự án rồi thoát ra hệ thống thoát nước của thành phố bằng đường cống BTCT có kích thước D600 thông qua 01 điểm đầu nối.

- Nước thải bể bơi: Được dẫn vào hệ thống thoát nước bề mặt của dự án thông qua đường ống uPVC D90-D140, tổng chiều dài 10m và thoát vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Điện Biên Phủ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà khách: Từ các nhà vệ sinh, khu vực vệ sinh chần gói, khu vực nhà bếp. Nước thải từ khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu vực vệ sinh chần gói, khu vực nhà bếp → bể gom → bể điều hoà → bể yếm khí (Anaerobic) → bể hiếu khí (Anoxic) → bể lắng → bể khử trùng.

- Công suất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, NaOCl, Methanol.

- Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước chung của phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 8/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 100 m³/ngày, đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí 1: Nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Vị trí 2: Nước thải đầu ra Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hoà tan, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO₄⁻³⁻ (tính theo P), tổng Coliforms (*Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B*).

2.3. Tần suất quan trắc:

- Trong thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành của công trình xử lý nước thải: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm từ tháng 8/2024.

- Trong 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm: 15 ngày/lần kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, mỗi một đợt lấy 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đầu ra sau hệ thống xử lý.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, Chủ đầu tư lập báo cáo kết quả vận hành thực nghiệm gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1495/GPMT-UBND
 ngày 14 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ quá trình hoạt động của máy phát điện.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh

- Tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng tọa độ: X: 2365642, Y: 504868.
- Tại khu vực đặt máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải tọa độ: X: 2365647, Y: 504860.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

STT	Thông số	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	70 dBA	
2	Độ rung		75dB

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1495/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06
2	Bao bì bằng nhựa cứng thải bỏ chứa thành phần nguy hại	Rắn	50	18 01 03
3	Bao bì mềm thải bỏ chứa thành phần nguy hại	Rắn	23	18 01 01
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	19 06 05
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	10	16 01 13
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	05	18 02 01
Tổng cộng			108	

1.2. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Thức ăn thừa, túi nilon đựng thực phẩm, bìa cát tông, vỏ hộp...phát sinh khoảng 113,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng nhựa thể tích 30 lít, có nắp đậy, có

dán nhãn đánh dấu riêng.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 05 m² bố trí bên ngoài tòa nhà 7 tầng; được xây dựng đảm bảo mặt sàn kín khít, được làm bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, có mái che kín, tường làm bằng vật liệu không cháy, cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, bố trí đầy đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Tại mỗi phòng lưu trữ bố trí 02 thùng chứa chất thải thể tích 07 lít, khu vực công cộng bố trí 05 thùng chứa có thể tích 20 lít, khu vực nhà ăn bố trí 02 thùng rác có thể tích 50-100 lít, có nắp đậy, xe đẩy đựng rác.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 05 m² bố trí phía ngoài tòa nhà 7 tầng, cạnh khu xử lý nước thải; cấu tạo nền bằng BTCT, có bố trí 03 thùng chứa có nắp đậy có dung tích 120-200 lít, đảm bảo không thấm nước mưa, không rò rỉ nước rỉ rác ra ngoài môi trường, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, trượt lở, sụt lún, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1495/GPMT-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.